TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2024/DS-ST
Ngày 29/02/2024
V/v "*Tranh chấp kiện đòi tài sản, Hợp đồng dân sự về góp hụi, họ*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Chuyên.**
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Hà Bửu Khánh
Ông Võ Minh Tuấn
- ***Thư ký phiên tòa***: **Bà Huỳnh Thị Phượng**là thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Giồng Riềng tham gia phiên tòa***: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 360/2023/TLST– DS, ngày 22 tháng 12năm 2023 về tranh chấp "Kiện đòi tài sản, hợp đồng dân sự về góp hụi, họ" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số:40/2024/QĐXXST-DS, ngày 22tháng 02 năm 2024,giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đặng Thị H, sinh năm: 1949; địa chỉ: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm: 1971 (vắng mặt)
Bà Khưu Thị H1, sinh năm: 1971 (có mặt)
Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

3. Người đại diện theo ủy quyền của bà Đặng Thị H: Ông Nguyễn Văn Đ– sinh năm: 1973; địa chỉ: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang– theo văn bản ủy quyền ngày 07/11/2023 (có mặt).

4. Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn D: Bà Khưu Thị H1; địa chỉ: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang– theo văn bản ủy quyền ngày 19/12/2023 (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/11/2023và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Văn Đtrình bày: Do chỗ quen biết nên vào năm 2012 mẹ ông là bà Đặng Thị H có cho vợ chồng ông Nguyễn Văn D và bà Khưu Thị H1vay 06 chỉ vàng 24 K (loại 9999) hai bên không làm biên nhận. Đồng thời, cũng vào năm 2012 bà H làm chủ hụi có mở 01 dây hụi mùa 10.000.000 đồng/mùa, ông D – bà H1có tham gia một chân, đóng được 02 lần rồi hốt. Kể từ lần thứ 3 cho đến khi hụi mãn, vợ chồng ông D– bà H1không đóng lại hụi chết, bà H phải đóng thay 16 lần với số tiền 160.000.000 đồng. Đã rất nhiều lần bà H yêu cầu vợ chồng ông D– bà H1trả nhưng chỉ hứa mà không thực hiện. Bà H hiện bị bệnh tai biến không đi lại được và cần có tiền để chữa bệnh. Nay bà H yêu cầu vợ chồng ông D– bà H1 trả 06 chỉ vàng 24 K (loại 9999) và số tiền hụi 160.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại bản tự khai và tại phiên tòa ông Nguyễn Văn D và bà Khưu Thị H1 thừa nhận có hỏi vay của bà Đặng Thị H 06 chỉ vàng 24K (loại 9999) và tham gia một chân hụi mùa 10.000.000 đồng do bà H làm chủ, số tiền bà H đóng cho vợ chồng bà 160.000.000 đồng. Do điều kiện hoàn cảnh kinh tế gặp khó khăn, ông D bị tai biến đi lại khó khăn và không lao động nặng được. Nay bà H yêu cầu trả số vàng và tiền nêu trên khả năng vợ chồng bà trả được 02 chỉ vàng, số còn lại thì không trả được. Yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Tranh chấp giữa các bên là tranh chấp về giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39của Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự, thủ tục tố tụng.

[2]. Về nội dung:

{2.1} Bà Đặng Thị H yêu cầu ông Nguyễn Văn D và bà Khưu Thị H1 trả 06 chỉ vàng 24K (loại 9999) và số tiền hụi chết là:160.000.000 đồng (một trăm sáu mươi triệu đồng). Trong suốt quá trình thụ lý giải quyết và tại phiên tòa bà H1, ông D đều thừa nhận số nợ trên của bà H. Tại thời điểm vay vàng thì hai bên không làm biên nhận, đến ngày 26/7/2023 (al) bà H1 và ông D cùng với ông Đ (con ruột của bà H) kết toán với

nhau viết thành biên nhận nợ nhưng không nói rõ thời gian nào trả dứt số tiền trên. Bà H đã rất nhiều lần yêu cầu vợ chồng bà H1– ông D trả nợ nhưng chỉ hứa mà không trả. Do đó, bà H đã khởi kiện đối với ông D – bà H1 là hoàn toàn có căn cứ. Tại phiên tòa hôm nay bà H1 chỉ đồng ý trả 02 chỉ vàng 24K (loại 9999) là dứt nợ, số vàng còn lại bà H1– ông D cho rằng không có khả năng trả nhưng ông Đ không đồng ý. Hội đồng xét xử thấy rằng hai bên thừa nhận với nhau về số vàng vay và số tiền hụi còn thiếu nhưng bà H1 nại ra do hoàn cảnh khó khăn không có khả năng trả toàn bộ số vàng và tiền cho bà H là không có cơ sở. Mặt khác, hai bên không thỏa thuận được với nhau về cách thức trả nợ nên cách thức thanh toán nợ do Chi cục thi hành án dân sự quyết định khi bản án có hiệu lực thi hành. Áp dụng khoản 4 Điều 11, Điều 463, Điều 466, Điều 471của Bộ luật dân sự năm 2015; Xử buộc ông Nguyễn Văn D– bà Khưu Thị H1 trả cho bà Đặng Thị H 06 chỉ vàng 24K (loại 9999); số tiền 160.000.000 đồng (một trăm sáu mươi triệu đồng).

{2.2} Về lãi suất:Bà Đặng Thị H không yêu cầu tính lãi đối với số tiền hụi cho nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về án phí: Áp dụngkhoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

-Yêu cầu của bà Đặng Thị H được chấp nhận nên không phải chịu án phí.

- Ông Nguyễn Văn D– bà Khưu Thị H1 phải chịu án phí giá ngạch của số vàng và số tiền cụ thể như sau:

06 chỉ vàng 24K; 01 chỉ vàng 24K (loại 9999) giá tại thời điểm xét xử = 6.300.000 đồng x 06 chỉ = 37.800.000 đồng.

160.000.000 đồng + 37.800.000 đồng = 197.800.000 đồng x 5% = 9.890.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39,khoản 1 Điều 147của Bộ luật tố tụng dân sự;khoản 4 Điều 11, Điều 463, Điều 466, Điều 471của Bộ luật dân sự năm 2015;khoản 2 Điều 26Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày

30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị H đối với ông Nguyễn Văn D– bà Khưu Thị H1.

2. Buộc ông Nguyễn Văn D – bà Khưu Thị H1 trả chobà Đặng Thị H 06 (sáu) chỉ vàng 24K (loại 9999), số tiền 160.000.000 đồng (một trăm sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Yêu cầu của bà Đặng Thị H được chấp nhận nên không phải chịu án phí.

Ông Nguyễn Văn D – bà Khưu Thị H1 phải chịu án phí có giá ngạch là: 9.890.000 đồng (chín triệu tám trăm chín mươi nghìn đồng)

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 29/02/2024.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận
- *TAND tỉnh*
- *VKSND huyện*
- *Thi hành án huyện*
- *UBND xã, thị*
- *Các đương sự*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN– **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Chuyên